

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
VIETNAM ELECTRICITY
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
POWER ENGINEERING CONSULTING
JOINT STOCK COMPANY 2

Số/No.: 1123 /PECC2-TCKT

V/v Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Báo cáo tài chính sau kiểm toán.

Re: Explanation for the fluctuation of 2025's after-tax profit in Audited Financial Statements.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2026
Ho Chi Minh City, 28 March 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN);
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).
To: - State Securities Committee (SSC);
- Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE);

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (Mã chứng khoán: TV2) (“Công ty”) xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ và tạo điều kiện của Quý Ủy ban trong thời gian qua.

Power Engineering Consulting Joint Stock Company 2 (Stock Code: TV2) (the “Company”) respectfully extends sincere appreciation to the Commission and the Exchange for the continuous support and guidance.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin được giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ 2024 như sau:

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance providing guidelines on disclosure of information on the securities market, the Company would like to provide an explanation for the fluctuations of profit after corporate income tax (CIT) exceeding 10% compared to the same period in 2024, as follows:

Đơn vị: đồng/ Currency: VND

Chỉ tiêu/ Item	2025	2024	Chênh lệch/ Difference	Thay đổi (%)/ Variance
Báo cáo tài chính Hợp nhất/ Consolidated Financial Statements: Lợi nhuận sau thuế TNDN/ Profit after corporate income tax	95.611.374.592	75.529.290.162	20.082.084.430	26,6%
Báo cáo tài chính Riêng/ Separate Financial Statements: Lợi nhuận sau thuế TNDN/ Profit after corporate income tax	79.955.480.048	64.670.405.839	15.285.074.209	23,6%

Nguyên nhân chênh lệch/ Reason for the Difference:

Báo cáo tài chính Hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế 2025 tăng 26,6% (tương ứng tăng 20,1 tỷ) do trong năm 2025 hoạt động của các Công ty liên kết của PECC2 đã được cải thiện tích cực.

Consolidated Financial Statements: Profit after tax for 2025 increased by 26.6% year-on-year, representing an increase of VND 20.1 billion, as the performance of these affiliated companies improved significantly in 2025.

Báo cáo tài chính Riêng: Lợi nhuận sau thuế 2025 tăng 23,6% (tương ứng tăng 15,3 tỷ) chủ yếu đến từ thu nhập định giá lại tài sản đem đi góp vốn thành lập Công ty con của PECC2.

Separate Financial Statements: Profit after tax for 2025 increased by 23.6% year-on-year, representing an increase of VND 15.3 billion, mainly arising from gains on the revaluation of assets contributed as capital to establish a subsidiary of PECC2.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban được biết và cam kết các thông tin công bố là chính xác, trung thực, và tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành.

The Company respectfully submits this explanation for the Commission's and the Exchange's consideration, and affirms that all information disclosed herein is accurate, truthful, and in full compliance with applicable legal regulations.

Trân trọng./.

Yours sincerely./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên;
- As above;
- Lưu: VT, TCKT;
- Archived: General Affairs Division, Financial & Accounting Division

Đính kèm/Attached:

- Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán.
 - Audited Financial Statements of 2025
- Địa chỉ website đăng tải BCTC:
<http://www.pecc2.com>.
Website address for publishing financial statements: <http://www.pecc2.com>.

Đại diện tổ chức
Organization representative
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



NGUYỄN CHƠN HÙNG

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 58

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện: nhiệt điện, thủy điện, lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, năng lượng sinh khối, thủy điện và nhà máy điện khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty gồm có sáu (6) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- ▶ Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Nguồn điện và Trung tâm quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Quản lý Nhà máy điện mặt trời (trước đây là Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng) tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Lào tọa lạc tại Bản Thongtoun, Quận Chanthabouly, Vientiane, Lào (bắt đầu hoạt động từ ngày 15 tháng 1 năm 2026); và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar (chấm dứt hoạt động vào ngày 6 tháng 2 năm 2026).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên độc lập

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Cao Nguyên	Người phụ trách	bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Người phụ trách	miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2025

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Bình	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Liên Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2026

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Võ Văn Bình	Tổng Giám Đốc

Bà Phạm Liên Hải, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Nguyễn Chơn Hùng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 28 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12856147/68610031

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Trần Năm Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Phan Thị Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5997-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.958.556.085.970	1.331.536.969.066
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	897.136.706.466	199.941.912.365
111	1. Tiền		318.589.151.988	77.041.912.365
112	2. Các khoản tương đương tiền		578.547.554.478	122.900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		165.000.000.000	103.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	165.000.000.000	103.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		850.234.856.077	839.478.222.076
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	810.040.999.669	799.975.381.730
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	16.174.960.634	12.423.496.420
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	75.431.634.270	60.632.683.833
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8	(51.412.738.496)	(33.553.339.907)
140	IV. Hàng tồn kho	10	41.937.332.835	155.964.470.035
141	1. Hàng tồn kho		42.704.662.452	155.964.470.035
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(767.329.617)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.247.190.592	33.152.364.590
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.717.408.501	7.273.128.469
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	529.782.091	25.586.204.459
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	18	-	293.031.662

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		873.497.544.374	840.967.129.230
210	I. Khoản phải thu dài hạn		297.059.122	2.297.171.065
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	297.059.122	2.297.171.065
220	II. Tài sản cố định		365.196.689.589	428.444.362.593
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	231.471.845.724	290.977.761.410
222	Nguyên giá		477.995.063.833	543.818.259.662
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(246.523.218.109)	(252.840.498.252)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	133.724.843.865	137.466.601.183
228	Nguyên giá		204.683.185.976	212.603.701.470
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(70.958.342.111)	(75.137.100.287)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.246.125.668	5.080.712.032
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.246.125.668	5.080.712.032
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	497.119.445.926	398.531.657.421
251	1. Đầu tư góp vốn công ty con		91.640.000.000	-
252	2. Đầu tư góp vốn công ty liên kết		411.678.150.000	411.678.150.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		47.237.000.600	47.237.000.600
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(53.435.704.674)	(60.383.493.179)
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.638.224.069	6.613.226.119
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.478.530.269	6.146.993.538
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	2.159.693.800	466.232.581
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.832.053.630.344	2.172.504.098.296

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.534.666.843.726	863.493.421.726
310	I. Nợ ngắn hạn		1.510.091.270.072	836.188.931.219
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	215.162.674.345	363.280.167.041
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	981.228.323.370	21.395.630.576
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	21.619.730.024	5.927.699.475
314	4. Phải trả người lao động	19	111.102.256.177	122.588.639.869
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	41.945.058.194	46.931.800.042
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		358.354.786	358.354.786
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	5.650.979.036	55.372.475.795
320	8. Vay ngắn hạn	21	73.666.417.732	141.024.677.085
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	21.253.440.674	22.806.723.632
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	38.104.035.734	56.502.762.918
330	II. Nợ dài hạn		24.575.573.654	27.304.490.507
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	17	2.241.081.250	2.241.081.250
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	1.738.574.028	1.558.376.028
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	20.595.918.376	23.505.033.229

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.297.386.786.618	1.309.010.676.570
410	I. Vốn chủ sở hữu	24.1	1.297.336.261.221	1.308.960.151.173
411	1. Vốn cổ phần		675.261.650.000	675.261.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		675.261.650.000	675.261.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.922.641.050	4.922.641.050
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		12.641.457.169	12.641.457.169
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		403.756.948.209	390.822.867.041
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		200.746.876.593	225.304.847.713
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		120.791.396.545	160.634.441.874
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		79.955.480.048	64.670.405.839
422	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		6.688.200	6.688.200
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		50.525.397	50.525.397
431	1. Nguồn kinh phí		50.525.397	50.525.397
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.832.053.630.344	2.172.504.098.296



Hoàng Thụy Hoài Yến
Người lập



Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.219.907.847.741	1.336.237.832.457
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(1.060.202.908.110)	(1.144.246.633.596)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.704.939.631	191.991.198.861
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	17.535.622.207	19.733.628.845
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	27	518.471.157 (5.076.986.534)	(15.700.776.760) (8.064.985.949)
25	6. Chi phí bán hàng	28	(1.652.846.406)	(5.521.830.170)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(123.037.496.378)	(112.390.220.463)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53.068.690.211	78.112.000.313
31	9. Thu nhập khác	29	48.449.481.996	4.958.494.599
32	10. Chi phí khác	29	(3.057.104.587)	(3.040.508.923)
40	11. Lợi nhuận khác	29	45.392.377.409	1.917.985.676
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		98.461.067.620	80.029.985.989
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(20.199.048.791)	(14.964.439.993)
52	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.1	1.693.461.219	(395.140.157)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		79.955.480.048	64.670.405.839


Nguyễn Thụy Mỹ Duyên
Người lập


Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng


Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		98.461.067.620	80.029.985.989
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		44.108.554.257	48.085.020.293
03	Sử dụng (hoàn nhập) dự phòng		13.685.551.904	(27.466.037.369)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		359.901.894	420.157.282
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(40.818.417.988)	(17.559.517.578)
06	Chi phí lãi vay	27	5.076.986.534	8.064.985.949
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		120.873.644.221	91.574.594.566
09	Giảm các khoản phải thu		1.662.910.559	416.020.319.753
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		91.269.829.169	(83.577.504.585)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		754.948.137.256	(187.970.512.253)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		851.178.023	(632.343.932)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.140.829.587)	(8.202.526.131)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(5.966.615.902)	(17.548.149.883)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(37.828.306.594)	(16.601.988.216)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		920.669.947.145	193.061.889.319
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(15.072.259.693)	(21.303.642.681)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		175.430.000	51.150.000
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(190.300.000.000)	(75.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		128.300.000.000	117.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(25.300.038.399)	(22.853.400.000)
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		12.332.032.633	13.147.357.528
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(89.864.835.459)	11.041.464.847

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	230.623.027.295	313.249.256.615
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(297.981.286.648)	(378.955.229.124)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	24.3	(67.656.616.000)	(67.791.659.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(135.014.875.353)	(133.497.631.509)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		695.790.236.333	70.605.722.657
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		199.941.912.365	127.329.031.923
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.404.557.768	2.007.157.785
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	897.136.706.466	199.941.912.365



Phạm Linh Chi
Người lập



Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện: nhiệt điện, thủy điện, lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, năng lượng sinh khối, thủy điện và nhà máy điện khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có sáu (6) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- ▶ Khối văn phòng bao gồm bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Nguồn điện và Trung tâm quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Lào tọa lạc tại Bản Thongtoun, quận Chanthabouly, thủ đô Vientiane, Lào (bắt đầu hoạt động từ ngày 15 tháng 1 năm 2026).
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar (đã chấm dứt hoạt động vào ngày 6 tháng 2 năm 2026).

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 460 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.309).

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0), trong đó:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Cảng PECC2	Số 2 Đường Mỹ Phú 2B, Khu phố 6, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý, vận hành các hạng mục nhà máy chính, công trình phụ trợ, cảng và thiết bị khác cho nhà máy điện.	50,5%	50,5%	-	-
Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng PECC2	Số 45 Đường Dân Chủ, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	100%	100%	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2	Số 45 Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	100%	100%	-	-

Ngoài ra, Công ty có 3 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 15.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 28 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo từng công trình |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao do thời gian sử dụng là lâu dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	5 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm và công trình xây dựng là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng đã bán, đã cung cấp hoặc đã bàn giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được thực hiện cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong năm. Khoản dự phòng phải trả về chi phí dự phòng bảo hành công trình xây dựng được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung. Trường hợp số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây dựng đã lập lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Trường hợp hoàn nhập chi phí bảo hành được ghi nhận giảm vào chi phí bán hàng.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và công trình xây dựng tương tự. Trong đó, dự phòng bảo hành về công trình xây dựng được ước tính với tỷ lệ từ 0,5% đến 1% doanh thu phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

Thu nhập cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát, máy móc thiết bị và dịch vụ xây lắp, vận hành nhà máy điện, bán điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Cảng PECC2 ("PPOM")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 040902/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 4 năm 2025 về việc thành lập PPOM, PPOM đã nhận được GCNĐKDN số 0318926353 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025 với vốn điều lệ là VND 4.000.000.000.

Công ty đã hoàn tất việc góp vốn bằng tiền vào PPOM với tổng giá trị 2.020.000.000 VND, tương ứng với 50,5% sở hữu vào PPOM vào ngày 26 tháng 5 năm 2025. Kể từ ngày này, PPOM chính thức trở thành công ty con của Công ty.

4.2 Góp vốn thành lập Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng ("PECC2SC")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 070101/2025/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 7 năm 2025 về việc thành lập PECC2SC, PECC2SC đã nhận được GCNĐKDN số 0319091058 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 8 năm 2025 với vốn điều lệ là VND 20.620.000.000.

Công ty đã hoàn tất việc góp vốn thành lập PECC2SC bằng tài sản với giá trị được đánh giá lại là VND 16.993.493.101 và bằng tiền với giá trị là VND 3.626.506.899, tương ứng 100% sở hữu tại PECC2SC vào ngày 18 tháng 8 năm 2025. Kể từ ngày này, PECC2SC chính thức trở thành công ty con của Công ty.

4.3 Góp vốn thành lập Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2 ("PESE")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 090901/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập PESE, PESE đã nhận được GCNĐKDN số 0319188606 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 9 năm 2025 với vốn điều lệ là VND 69.000.000.000.

Công ty đã hoàn tất góp vốn thành lập PESE bằng tài sản với giá trị được đánh giá lại là VND 49.346.468.500 và bằng tiền với giá trị là VND 19.653.531.500 tương ứng 100% sở hữu tại PESE vào ngày 1 tháng 10 năm 2025. Kể từ ngày này, PESE chính thức trở thành công ty con của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.524.934.204	2.881.792.836
Tiền gửi ngân hàng	317.064.217.784	74.160.119.529
Các khoản tương đương tiền (*)	578.547.554.478	122.900.000.000
TỔNG CỘNG	897.136.706.466	199.941.912.365

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trong vòng một (1) tháng và hưởng lãi suất từ 3% đến 4,75%/năm (31 tháng 12 năm 2024: từ 2,1% đến 3,9%/năm).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 2.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Thuyết minh số 21).

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

	Năm nay	Năm trước
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng		
Góp vốn vào các công ty con bằng tài sản	66.339.961.601	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4%/năm đến 5,5%/năm (31 tháng 12 năm 2024: từ 3,4%/năm đến 4,7%/năm).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 10.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Thuyết minh số 21).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 32)	500.329.714.898	534.850.802.606
Phải thu từ các bên khác (*)	309.711.284.771	265.124.579.124
TỔNG CỘNG	810.040.999.669	799.975.381.730
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(50.877.544.392)	(33.128.687.657)
GIÁ TRỊ THUẦN	759.163.455.277	766.846.694.073

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số khoản phải thu của Công ty đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam như được trình bày tại TM số 21.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	33.128.687.657	49.864.971.133
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	20.551.532.266	9.319.179.643
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(183.757.061)	(1.841.936.492)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.618.918.470)	(24.213.526.627)
Số cuối năm	50.877.544.392	33.128.687.657

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND		
	Nợ gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Nợ gốc		Dự phòng	Giá trị thuần
Công ty TNHH KC Cottrell Việt Nam	17.124.148.800	10.022.852.300	7.101.296.500	-	-	-	
Công ty TNHH Hamon Việt Nam	5.391.339.686	5.391.339.686	-	5.391.339.686	5.391.339.686	-	
Các bên khác	40.243.485.537	35.463.352.406	4.780.133.131	35.189.576.387	27.737.347.971	7.452.228.416	
TỔNG CỘNG	62.758.974.023	50.877.544.392	11.881.429.631	40.580.916.073	33.128.687.657	7.452.228.416	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các nhà cung cấp	16.174.960.634	12.215.545.520
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh</i>	8.448.835.900	-
<i>Nhà cung cấp khác</i>	7.726.124.734	12.215.545.520
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 32)	-	207.950.900
TỔNG CỘNG	16.174.960.634	12.423.496.420
Dự phòng trả trước khó đòi	(535.194.104)	(424.652.250)
GIÁ TRỊ THUẦN	15.639.766.530	11.998.844.170

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	75.431.634.270	60.632.683.833
Chi hộ và chuyển giao các khoản phải thu cho các công ty con	30.149.383.430	-
Thu hộ	18.530.346.891	40.359.998.211
Tạm ứng cho nhân viên	15.930.574.387	10.433.096.615
Lãi tiền gửi	3.341.214.366	405.396.163
Phải thu cổ tức	1.671.304.500	99.411.600
Lãi trả chậm thu hộ	712.316.417	5.125.400.761
Khác	5.096.494.279	4.209.380.483
Dài hạn	297.059.122	2.297.171.065
Ký quỹ, ký cược	297.059.122	2.297.171.065
TỔNG CỘNG	75.728.693.392	62.929.854.898
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	41.381.864.269	57.705.042.537
<i>Phải thu ngắn hạn bên liên quan (TM số 32)</i>	31.820.687.930	5.224.812.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.694.638.564	140.974.342.286
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn IV	12.415.449.000	-
Các công trình lưới điện	6.607.442.925	3.777.168.438
Công trình Nhà máy điện gió Tân Thuận	1.080.907.395	13.359.492.493
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	-	85.285.059.057
Dự án Nhà máy điện Masinloc Unit 4-5	-	8.657.944.557
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Mở rộng	-	8.561.083.747
Các công trình khác	19.590.839.244	21.333.593.994
Nguyên vật liệu	2.744.200.671	12.271.000.120
Hàng hóa	-	1.505.252.658
Hàng đang đi trên đường	-	768.099.007
Công cụ, dụng cụ	265.823.217	445.775.964
TỔNG CỘNG	42.704.662.452	155.964.470.035
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(767.329.617)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	41.937.332.835	155.964.470.035

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phần mềm	3.494.136.938	2.595.824.218
Công cụ, dụng cụ	97.443.534	2.674.737.345
Khác	125.828.029	2.002.566.906
TỔNG CỘNG	3.717.408.501	7.273.128.469
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.561.513.486	1.191.786.385
Khác	1.917.016.783	4.955.207.153
TỔNG CỘNG	3.478.530.269	6.146.993.538

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	243.578.184.258	210.938.896.341	45.508.561.780	43.792.617.283	543.818.259.662
Mua mới trong năm	-	2.400.553.270	6.434.783.250	307.586.364	9.142.922.884
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	879.745.947	639.089.200	-	-	1.518.835.147
Thanh lý	(4.250.000)	(12.317.400.016)	(10.998.511.244)	(2.994.654.820)	(26.314.816.080)
Góp vốn	(40.200.000)	(39.649.964.651)	(6.879.741.041)	(3.269.913.438)	(49.839.819.130)
Khác	-	(232.540.468)	-	(97.778.182)	(330.318.650)
Số cuối năm	244.413.480.205	161.778.633.676	34.065.092.745	37.737.857.207	477.995.063.833
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	20.318.854.077	14.992.865.863	27.117.695.124	7.681.769.511	70.111.184.575
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(67.200.009.274)	(115.053.792.336)	(39.430.821.113)	(31.155.875.529)	(252.840.498.252)
Khấu hao trong năm	(11.766.683.412)	(18.041.644.710)	(1.691.833.383)	(7.087.611.445)	(38.587.772.950)
Thanh lý	2.479.167	7.547.830.273	5.591.539.345	2.219.351.882	15.361.200.667
Góp vốn	4.592.728	23.134.612.134	2.937.539.458	3.105.329.924	29.182.074.244
Khác	-	264.000.000	-	97.778.182	361.778.182
Số cuối năm	(78.959.620.791)	(102.148.994.639)	(32.593.575.693)	(32.821.026.986)	(246.523.218.109)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	176.378.174.984	95.885.104.005	6.077.740.667	12.636.741.754	290.977.761.410
Số cuối năm	165.453.859.414	59.629.639.037	1.471.517.052	4.916.830.221	231.471.845.724

Một số tài sản cố định của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam như được trình bày tại TM số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	157.748.193.775	54.855.507.695	212.603.701.470
Mua mới trong năm	-	3.160.980.000	3.160.980.000
Thanh lý	-	(2.991.986.985)	(2.991.986.985)
Góp vốn	-	(7.310.188.525)	(7.310.188.525)
Giảm khác	-	(779.319.984)	(779.319.984)
Số cuối năm	157.748.193.775	46.934.992.201	204.683.185.976
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	40.727.641.470	40.727.641.470
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(24.363.938.965)	(50.773.161.322)	(75.137.100.287)
Hao mòn trong năm	(3.088.858.632)	(2.492.696.365)	(5.581.554.997)
Thanh lý	-	1.817.710.739	1.817.710.739
Góp vốn	-	7.163.282.450	7.163.282.450
Khác	-	779.319.984	779.319.984
Số cuối năm	(27.452.797.597)	(43.505.544.514)	(70.958.342.111)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	133.384.254.810	4.082.346.373	137.466.601.183
Số cuối năm	130.295.396.178	3.429.447.687	133.724.843.865

(*) Số dư này bao gồm quyền sử dụng đất với giá trị 147.704.992.000 VND tại Số 32 Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố theo Hợp đồng Số 02/HĐMBN-QLKQN ký ngày 16 tháng 1 năm 2017. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan và đang thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tòa nhà văn phòng PECC2 Tower - Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm	4.540.001.285	4.540.001.285
Các công trình khác	706.124.383	540.710.747
TỔNG CỘNG	5.246.125.668	5.080.712.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

(*) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang thay đổi trong năm như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.080.712.032	14.669.869.473
Tăng trong năm	1.695.285.147	4.072.050.914
Hoàn thành và chuyển sang tài sản cố định	(1.518.835.147)	(13.661.208.355)
Phân loại lại	(11.036.364)	-
Số cuối năm	<u>5.246.125.668</u>	<u>5.080.712.032</u>

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (TM số 15.1)	91.640.000.000	-
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 15.2)	411.678.150.000	411.678.150.000
Đầu tư vào các đơn vị khác (TM số 15.3)	<u>47.237.000.600</u>	<u>47.237.000.600</u>
TỔNG CỘNG	550.555.150.600	458.915.150.600
Dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn	<u>(53.435.704.674)</u>	<u>(60.383.493.179)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>497.119.445.926</u>	<u>398.531.657.421</u>

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 3 công ty con như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0):

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá trị gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Cảng PECC2	50,5	2.020.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng PECC2	100	20.620.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2	100	69.000.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		91.640.000.000	-		-	-

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau ("CMC") (*) (**)	Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng	25,11	228.885.000.000	(53.405.611.496)	25,11	228.885.000.000	(60.383.493.179)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (*)	Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai		45,00	95.382.900.000	-	45,00	95.382.900.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ (*)	Xã Sơn Mỹ, Tỉnh Lâm Đồng		25,00	87.410.250.000	-	25,00	87.410.250.000	-
TỔNG CỘNG				411.678.150.000	(53.405.611.496)		411.678.150.000	(60.383.493.179)

(*) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

(**) Công ty đã sử dụng 6.585.000 cổ phần sở hữu, tương ứng với 7,22 % sở hữu tại CMC làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay của CMC tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
	%	VND	VND	%	VND	VND
Các công ty niêm yết	18.406.850.600	78.758.049.202	-		18.406.850.600	77.902.958.185
Công ty Cổ phần						
Thủy điện Bùn Đôn	5	16.750.000.000	74.540.180.700	5	16.750.000.000	74.215.947.627
Công ty Cổ phần						
EVN Quốc tế	0,45	1.656.850.600	4.217.868.502	0,45	1.656.850.600	3.687.010.558
Các công ty khác	28.830.150.000	(*) (30.093.178)			28.830.150.000	(*)
Công ty Cổ phần						
Năng lượng						
Sinh khối Hậu Giang	10	23.296.300.000	(*)	10	23.296.300.000	(*)
Công ty Cổ phần						
Năng lượng						
Sinh khối Trà Vinh	10	5.533.850.000	(*) (30.093.178)	10	5.533.850.000	(*)
("TVBE") (**)						
TỔNG CỘNG		47.237.000.600	(30.093.178)		47.237.000.600	-

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá một cách chính thức. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị tổn thất dựa trên kế hoạch phát triển và tiến độ thực hiện dự án của các công ty này.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, một số cổ đông sáng lập của TVBE vẫn chưa thực hiện góp vốn đầy đủ vào TVBE theo các cam kết góp vốn ban đầu. Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông ngày 30 tháng 12 năm 2025, các cổ đông của TVBE đã thống nhất thông qua thời hạn góp vốn trước ngày 31 tháng 12 năm 2026. Do đó, Công ty vẫn giữ 10% quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu trong TVBE tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên khác	138.508.170.579	138.508.170.579	361.872.092.973	361.872.092.973
Siemens Gamesa Renewable Energy LLC	19.204.460.030	19.204.460.030	14.708.507.270	14.708.507.270
China Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd	-	-	93.120.231.176	93.120.231.176
Nhà cung cấp khác	119.303.710.549	119.303.710.549	254.043.354.527	254.043.354.527
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 32)	76.654.503.766	76.654.503.766	1.408.074.068	1.408.074.068
TỔNG CỘNG	215.162.674.345	215.162.674.345	363.280.167.041	363.280.167.041

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngắn hạn	981.228.323.370	21.395.630.576		
Các bên khác trả tiền trước	972.389.091.433	18.535.991.724		
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam				
- Ban Quản lý Dự án chuyên ngành điện	470.055.897.006	-		
Công ty TNHH Điện Sinh khối Erex Tuyên Quang	215.265.951.083	-		
Công ty TNHH Điện Sinh khối Erex Yên Bái	212.141.650.000	-		
Khách hàng khác	74.925.593.344	18.535.991.724		
Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 32)	8.839.231.937	2.859.638.852		
Dài hạn	2.241.081.250	2.241.081.250		
Công ty Cổ phần Thủy điện Mỹ Lý - Nậm Mỏ	2.241.081.250	2.241.081.250		
TỔNG CỘNG	983.469.404.620	23.636.711.826		

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	VND
Phải nộp					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	19.906.017.128	(5.966.615.902)	13.939.401.226	
Thuế giá trị gia tăng	3.055.306.293	78.072.165.533	(77.414.436.634)	3.713.035.192	
Thuế thu nhập cá nhân	2.867.990.643	22.182.728.535	(23.221.037.921)	1.829.681.257	
Khác	4.402.539	8.093.079.952	(5.959.870.142)	2.137.612.349	
TỔNG CỘNG	5.927.699.475	128.253.991.148	(112.561.960.599)	21.619.730.024	
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	25.586.204.459	43.265.013.438	(68.321.435.806)	529.782.091	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	293.031.662	-	(293.031.662)	-	
TỔNG CỘNG	25.879.236.121	43.265.013.438	(68.614.467.468)	529.782.091	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí dự án	41.293.165.984	8.939.674.924
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2	14.205.645.992	-
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	11.402.757.100	2.506.901.136
Dự án Nhà máy điện khí LNG Công Thanh	6.512.100.000	-
Các dự án khác	9.172.662.892	6.432.773.788
Lãi vay	122.157.721	191.061.962
Chi phí dịch vụ bảo trì	-	32.332.110.220
Chi phí khác	529.734.489	5.468.952.936
TỔNG CỘNG	41.945.058.194	46.931.800.042
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	24.658.940.045	44.534.135.099
Phải trả khác các bên liên quan (TM số 32)	17.286.118.149	2.397.664.943

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.650.979.036	55.372.475.795
Phải trả liên quan dự án	1.310.362.956	1.310.362.956
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	594.875.024	1.420.974.972
Cổ tức phải trả	476.833.618	598.833.312
Lãi trả chậm thu hộ phải trả	109.969.716	5.127.444.797
Thu hộ phải trả	-	40.359.998.211
Khác	3.158.937.722	6.554.861.547
Dài hạn	1.738.574.028	1.558.376.028
Ký quỹ, ký cược	1.738.574.028	1.558.376.028
TỔNG CỘNG	7.389.553.064	56.930.851.823
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	7.279.583.348	16.570.853.612
Phải trả khác các bên liên quan (TM số 32)	109.969.716	40.359.998.211

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Vay trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Vay ngân hàng (*)	133.450.227.085	230.623.027.295	(290.406.836.648)	73.666.417.732
Vay nhận viên	7.574.450.000	-	(7.574.450.000)	-
TỔNG CỘNG	141.024.677.085	230.623.027.295	(297.981.286.648)	73.666.417.732

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	24.004.257.437	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2026 đến 26 tháng 6 năm 2026	4,6 – 6,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	18.750.925.175	Từ ngày 16 tháng 2 năm 2026 đến 17 tháng 3 năm 2026	4,6	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	16.734.698.406	Từ ngày 16 tháng 1 năm 2026 đến 20 tháng 5 năm 2026	4,5 – 5,0	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	14.176.536.714	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2026 đến 26 tháng 3 năm 2026	6,0 – 6,5	Tài sản cố định (TM số 12); Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (TM số 5 và 6) và; Một số khoản phải thu (TM số 7)
TỔNG CỘNG	73.666.417.732			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	21.253.440.674	22.806.723.632
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	20.576.843.244	20.601.843.244
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2	-	1.997.175.834
Khác	676.597.430	207.704.554
Dài hạn	20.595.918.376	23.505.033.229
Dự án Nhà máy điện gió Tân Thuận	10.389.868.860	10.846.849.547
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	5.521.127.798	7.818.048.627
Dự án Nhà máy điện than Vân Phong 1	2.883.328.251	4.154.704.519
Khác	1.801.593.467	685.430.536
TỔNG CỘNG	41.849.359.050	46.311.756.861

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải trả trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	46.311.756.861	63.836.702.804
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.657.144.569	16.780.744.131
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.834.289.427)	(4.590.945.370)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(6.285.252.953)	(29.714.744.704)
Số cuối năm	41.849.359.050	46.311.756.861

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	56.502.762.918	53.420.298.853
Cộng: Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (TM số 24.1)	24.053.205.000	21.863.247.000
Trừ: Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	(60.252.948)	(29.722.951)
Trừ: Sử dụng quỹ	(37.828.306.594)	(18.751.059.984)
Trừ: Khác	(4.563.372.642)	-
Số cuối năm	38.104.035.734	56.502.762.918

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
							VND
Năm trước							
Số đầu năm	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	380.193.662.909	260.653.058.006	6.688.200	1.333.679.157.334
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	64.670.405.839	-	64.670.405.839
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(67.526.165.000)	-	(67.526.165.000)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	10.629.204.132	(10.629.204.132)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.863.247.000)	-	(21.863.247.000)
Số cuối năm	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	390.822.867.041	225.304.847.713	6.688.200	1.308.960.151.173
Năm nay							
Số đầu năm	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	390.822.867.041	225.304.847.713	6.688.200	1.308.960.151.173
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	79.955.480.048	-	79.955.480.048
Cổ tức công bố (TM 24.3)	-	-	-	-	(67.526.165.000)	-	(67.526.165.000)
Trích quỹ đầu tư và phát triển (TM 24.3)	-	-	-	12.934.081.168	(12.934.081.168)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (TM 24.3)	-	-	-	-	(24.053.205.000)	-	(24.053.205.000)
Số cuối năm	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	403.756.948.209	200.746.876.593	6.688.200	1.297.336.261.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm và số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	%
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	34.659.056	346.590.560.000	51,33
Các cổ đông khác	32.867.109	328.671.090.000	48,67
TỔNG CỘNG	67.526.165	675.261.650.000	100

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm và số cuối năm	675.261.650.000	675.261.650.000
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã công bố (*)	67.526.165.000	67.526.165.000
Cổ tức đã trả	67.656.616.000	67.791.659.000
(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt:		
• chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% vốn điều lệ với tổng giá trị là 67.526.165.000 VND; và		
• trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị lần lượt là 12.934.081.168 VND và 24.053.205.000 VND.		

24.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	67.526.165	67.526.165
Cổ phiếu đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	67.526.165	67.526.165
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	67.526.165	67.526.165

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.148.899.249.351	1.216.972.041.080
Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	50.337.108.860	99.864.310.590
Doanh thu bán điện	20.565.472.880	19.161.907.222
Doanh thu khác	106.016.650	239.573.565
TỔNG CỘNG	1.219.907.847.741	1.336.237.832.457
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	754.781.639.432	514.756.619.294
Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 32)	465.126.208.309	821.481.213.163

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	8.515.782.673	4.156.414.177
Cổ tức được chia	5.013.913.500	4.597.789.300
Lãi cho các khoản thanh toán trả chậm	3.312.826.741	8.747.340.557
Lãi chênh lệch tỷ giá	693.099.293	2.232.084.811
TỔNG CỘNG	17.535.622.207	19.733.628.845

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	996.150.818.079	1.040.519.117.207
Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	49.217.451.236	90.305.641.487
Giá vốn bán điện	14.834.638.795	13.421.874.902
TỔNG CỘNG	1.060.202.908.110	1.144.246.633.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.076.986.534	8.064.985.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.343.479.875	840.598.761
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá trị		
khoản đầu tư tài chính	(6.947.788.505)	6.795.192.050
Khác	8.850.939	-
TỔNG CỘNG	(518.471.157)	15.700.776.760

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.652.846.406	5.521.830.170
Chi phí dự phòng bảo hành	1.036.519.740	4.230.642.037
Khác	616.326.666	1.291.188.133
Chi phí quản lý doanh nghiệp	123.037.496.378	112.390.220.463
Chi phí nhân viên	34.326.754.611	49.459.560.998
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		
nợ phải thu khó đòi	18.043.155.650	(14.894.346.984)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.542.427.479	21.093.357.652
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.224.014.692	8.544.462.288
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	4.001.566.303	5.012.187.438
Chi phí khác	41.899.577.643	43.174.999.071
TỔNG CỘNG	124.690.342.784	117.912.050.633

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	48.449.481.996	4.958.494.599
Thu nhập từ bồi thường của nhà cung cấp	23.104.174.622	9.551.050
Lãi do đánh giá lại tài sản cố định để góp vốn		
vào các công ty con	18.172.327.012	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5.803.568.062	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	-	4.022.030.176
Khác	1.369.412.300	926.913.373
Chi phí khác	(3.057.104.587)	(3.040.508.923)
Các khoản phạt	(1.431.878.631)	(3.008.838.587)
Chi phí khác	(1.625.225.956)	(31.670.336)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	45.392.377.409	1.917.985.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	433.634.471.426	706.022.470.003
Chi phí nhân viên	397.781.908.339	357.973.088.033
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.720.495.111	111.287.972.156
Chi phí khấu hao và hao mòn	44.108.554.257	48.085.020.293
Chi phí dự phòng	20.633.351.409	2.495.813.861
Chi phí khác	130.734.766.630	119.648.367.848
TỔNG CỘNG	1.083.613.547.172	1.345.512.732.194

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

- Mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh bán điện từ các Dự án Nhà máy điện mặt trời ("các dự án") và chi nhánh Cơ điện trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các dự án và chi nhánh Cơ điện được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (Dự án: năm 2019 và chi nhánh Cơ điện: năm 2020) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN trong chín (9) năm tiếp theo; và
- Mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế áp dụng cho các hoạt động kinh doanh khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.199.048.791	11.026.678.053
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	3.937.761.940
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.693.461.219)	395.140.157
TỔNG CỘNG	18.505.587.572	15.359.580.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	98.461.067.620	80.029.985.989
Thuế TNDN áp dụng cho Công ty	19.692.213.524	16.005.997.198
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Ưu đãi thuế	(550.038.221)	(620.101.808)
Thu nhập từ cổ tức	(1.002.782.700)	(919.557.860)
Chi phí không được trừ	366.194.969	483.240.975
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	3.937.761.940
Khác	-	(3.527.760.295)
Chi phí thuế TNDN	18.505.587.572	15.359.580.150

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	1.682.626.400	380.206.400	1.302.420.000	-
Người mua trả tiền trước	727.109.004	727.109.004	-	727.109.004
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	72.000.000	84.930.450	(12.930.450)	84.930.450
Dự phòng bảo hành	-	-	-	(481.166.338)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(322.041.604)	(726.013.273)	403.971.669	(726.013.273)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2.159.693.800	466.232.581	-	-
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			1.693.461.219	(395.140.157)

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
VND			
Công ty mẹ: Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	Cung cấp dịch vụ	103.372.500	-
Công ty con: Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2 ("PSC")	Mua dịch vụ Góp vốn Thanh lý tài sản Cung cấp dịch vụ Thu nhập tiền lãi	82.017.205.444 69.000.000.000 17.821.630.318 2.752.753.539 207.076.343	- - - - -
Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng ("PECC2SC")	Mua dịch vụ Góp vốn Cung cấp dịch vụ Thu nhập tiền lãi Thanh lý tài sản	53.535.172.454 20.620.000.000 172.739.559 3.604.384 925.926	- - - - -
Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Cảng PECC2 ("PPOM")	Mua dịch vụ Góp vốn	5.518.373.364 2.020.000.000	- -
Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau ("CMC")	Cung cấp dịch vụ Chi hộ Thu nhập tiền lãi Thu hộ phạt vi phạm hợp đồng	93.265.420.566 6.593.873.061 2.876.450.994	46.284.525.964 63.879.432.795 8.157.673.066
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ ("SSC")	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	- 5.341.651.077	40.359.998.211 6.694.630.220
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 ("TB2")	Cung cấp dịch vụ Góp vốn	- 3.257.412.372	874.102.500 6.444.393.846
		-	17.640.450.000

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
VND			
Đầu tư khác:			
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang ("HBE")	Cung cấp dịch vụ Góp vốn	154.000.747.149	538.021.147.527
	Thu nhập tiền lãi	-	1.679.100.000
	Nhận cổ tức	-	589.667.491
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Góp vốn	5.013.913.500	3.342.609.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh ("TVBE")	Nhận cổ tức	-	3.533.850.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế		-	381.077.800
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN"):			
Ban Quản lý Dự án ("QLDA") các công trình điện Miền Bắc	Cung cấp dịch vụ	34.344.906.243	17.403.136.152
Ban QLDA Điện 3	Cung cấp dịch vụ	33.868.436.684	65.571.233.924
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	26.681.766.427	1.998.398.892
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	21.890.041.842	76.514.866.482
Công ty Mua bán điện	Bán điện	18.171.658.334	16.736.090.737
CN TCT Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) TNHH - Ban QLDA	Cung cấp dịch vụ	11.190.537.707	2.132.569.022
Lưới điện TP.HCM			
Ban QLDA Truyền tải điện	Cung cấp dịch vụ	9.666.732.409	1.374.627.857
Ban QLDA Điện 2	Cung cấp dịch vụ	9.213.412.290	12.815.915.973
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Cung cấp dịch vụ	4.684.038.138	82.344.111
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Cung cấp dịch vụ	4.661.156.563	3.565.688.502
Công ty Thủy điện Ialy - EVN	Cung cấp dịch vụ	3.804.192.010	-
Công ty Điện lực Thủ Đức	Mua dịch vụ	3.186.591.296	3.164.352.197
Công ty Thủy điện Đồng Nai - Chi nhánh ("CN") TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	2.923.372.786	5.449.338.721
	Điều chỉnh giảm doanh thu cung cấp dịch vụ	-	(50.221.593)

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Tập đoàn” hoặc “EVN”): (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	2.765.785.798	-
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát – Chi nhánh EVN	Cung cấp dịch vụ	2.535.370.368	819.728.106
Ban QLDA Điện 1	Cung cấp dịch vụ	2.265.609.992	-
Ban QLDA EVNGENCO1 – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	1.697.307.668	-
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	Cung cấp dịch vụ	1.450.947.399	3.991.324.541
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	1.368.763.636	-
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.355.526.269	178.855.049
	Điều chỉnh giám doanh thu cung cấp dịch vụ	-	(209.473.733)
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Bán điện	1.282.787.914	2.425.816.485
	Mua dịch vụ	463.634.558	1.518.906.152
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Cung cấp dịch vụ	1.229.178.035	-
Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	Cung cấp dịch vụ	1.111.026.632	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP	Cung cấp dịch vụ	1.079.625.645	-
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Mua dịch vụ	2.748.086.680	1.563.115.000
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	Cung cấp dịch vụ	932.472.683	-
Công ty Thủy điện Trị An – Chi nhánh EVN	Cung cấp dịch vụ	835.866.812	178.325.000
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San - Chi nhánh EVN	Cung cấp dịch vụ	701.082.576	591.669.891

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Tập đoàn” hoặc “EVN”): (tiếp theo)				
Công ty Thủy điện Sơn La	Cung cấp dịch vụ	670.610.961		1.465.600.348
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Trung	Mua dịch vụ	1.177.922.972		171.454.840
Công ty Truyền tải Điện 1	Cung cấp dịch vụ	604.155.046		252.814.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	601.249.715		-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Cung cấp dịch vụ	524.594.700		494.181.818
	Mua dịch vụ	-		1.833.333
Công ty Truyền tải Điện 2	Mua dịch vụ	585.669.612		439.252.209
	Cung cấp dịch vụ	-		71.530.606
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Cung cấp dịch vụ	425.812.783		406.481.481
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	419.638.636		277.273.350
Công ty Thủy điện A Vương	Cung cấp dịch vụ	403.117.380		-
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	Cung cấp dịch vụ	367.632.954		-
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Cung cấp dịch vụ	341.558.648		
Công ty Điện lực Sài Gòn	Mua dịch vụ	230.180.831		211.220.347
Ban QLDA Lưới điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	137.702.500		-
Công ty Điện lực Phú Thọ	Mua dịch vụ	121.005.448		477.547.212
Công ty TNHH MTV Khách sạn - Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực	Mua dịch vụ	97.314.815		127.986.097
Công ty Điện lực Bình Thuận	Mua dịch vụ	53.495.351		97.331.312
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - EVN	Mua dịch vụ	234.899.044		483.668.141

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
VND			
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN"): (tiếp theo)			
Công ty Truyền tải điện 4	Cung cấp dịch vụ	24.435.364	798.459.873
Công ty Điện lực Hậu Giang	Mua dịch vụ	18.697.678	15.940.118
Công ty Điện lực Lâm Đồng	Mua dịch vụ	26.813.372	330.605
Công ty Truyền tải Điện 3	Cung cấp dịch vụ	-	5.116.409.764
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	-	3.217.326.167
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	Cung cấp dịch vụ	-	366.204.080
Công ty Điện lực Trà Vinh	Mua dịch vụ	-	160.607.976
Công ty Điện lực Cà Mau	Mua dịch vụ	-	102.574.467
Công ty Điện lực Phú Yên - Điện Lực Phú Hòa	Mua dịch vụ	-	28.499.706
Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung - CN TCT Điện lực Miền Trung	Mua dịch vụ	-	10.793.519
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Điện lực Ninh Thuận	Mua dịch vụ	-	806.620

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty con:			
PESE	20.456.860.823	-	279.207.752.961
PECC2SC	46.902.500	-	1.719.686.700
Công ty liên kết:			
CMC	173.250.576.652		6.539.988.372
TB2	200.000.000		
SSC	-		
Đầu tư khác:			
HBE	64.514.235.220		42.222.447.546
TVBE	2.960.542.857		2.960.542.857
Công ty cùng Tập đoàn EVN:			
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân - CN TCT Phát điện 3	54.050.434.910		54.050.434.910
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	40.873.721.702		12.141.504.983
Ban QLDA Điện 3	34.741.120.899		36.167.547.272
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	26.244.564.671		40.612.377.428
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	23.974.355.961		17.158.721.583
Công ty Mua bán Điện	9.257.090.604		7.279.609.780
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	7.915.377.004		1.345.852.498
Ban QLDA Điện 2	7.034.035.178		7.233.097.992
Ban QLDA Điện 1	4.754.386.933		2.528.662.232
Ban QLDA Truyền tải điện	4.174.843.383		2.760.915.840

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)		
Công ty cùng Tập đoàn EVN: (tiếp theo)		
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	4.166.583.885	3.759.801.365
Công ty Thủy điện Ialy - CN EVN	4.148.342.569	552.351.048
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	3.482.872.238	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh - CN TCT Phát điện 1	2.659.613.751	-
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát - EVN	1.696.713.831	885.306.354
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN TCT Phát Điện 1	1.478.264.727	-
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	1.283.403.624	2.594.345.172
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	1.121.952.600	-
Công ty Thủy điện Đồng Nai - CN TCT Phát điện 1	1.000.000.000	4.390.142.600
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	780.525.747	-
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	671.664.206	671.664.206
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	649.349.692	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	598.850.179	577.972.372
Công ty Truyền tải điện 1	405.866.448	422.274.318
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	404.319.282	2.561.844.320
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	397.043.590	-
Ban QLDA Thủy điện 6	317.460.939	317.460.939
Ban QLDA EVNGENCO1 - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	216.083.376	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Nam	148.718.700	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	140.125.556	311.508.995
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	90.501.000	90.501.000
Tổng Công ty Phát điện 1	22.409.661	22.409.661
Công ty Thủy điện Sơn La	-	864.007.129
Công ty Truyền tải điện 4	-	714.043.559

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)			
Công ty cùng Tập đoàn EVN: (tiếp theo)			
TCT Điện Lực Thành Phố Hà Nội	-	-	691.815.311
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San - CN EVN	-	-	593.211.482
Công ty Truyền tải điện 3	-	-	491.221.066
Công ty Nhiệt Điện Móng Dương	-	-	395.500.406
Công ty Điện lực Kiên Giang	-	-	14.036.017
Công ty Truyền tải điện 2	-	-	219.621
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	-	-	22.711
	500.329.714.898		534.850.802.606
Phải thu ngắn hạn khác về chi hộ			
Công ty liên kết:			
CMC	-	-	5.125.400.761
Phải thu ngắn hạn khác về chi hộ và chuyển giao các khoản phải thu cho các công ty con			
Công ty con:			
PSC	29.156.790.502	-	-
PECC2SC	992.592.928	-	-
Phải thu ngắn hạn khác về cổ tức nhận được:			
Đầu tư khác:			
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	1.671.304.500	-	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	-	-	99.411.600
	31.820.687.930		5.224.812.361

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua dịch vụ			
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:			
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	-	157.950.900
- Xi nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	-	-	50.000.000
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam	-	-	207.950.900
Phải trả người bán ngắn hạn về mua dịch vụ			
Công ty con:			
PECC2SC	42.644.514.588	-	-
PESE	32.503.265.318	-	-
PPOM	776.435.790	-	-
Công ty liên kết:			
CMC	116.640.000	-	-
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:			
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	402.733.070	-	92.836.260
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	203.040.000	-	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn - Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực	7.875.000	-	11.300.000
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	-	-	826.610.840
Công ty Viễn thông và Công nghệ Thông tin - EVN	-	-	258.388.950
Công ty Truyền Tài Điện 2	-	-	158.130.795
Công ty Điện lực Cà Mau	-	-	32.139.945
Công ty Điện lực Hậu Giang	-	-	17.215.327
Công ty Điện lực Bình Thuận	-	-	11.445.533
Công ty Điện lực Sài Gòn	-	-	6.418
	76.654.503.766		1.408.074.068

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn về cung cấp dịch vụ</i>			
Công ty mẹ:			
EVN	161.572.159		223.595.659
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:			
Tổng Công ty phát điện 3 - CTCP	5.000.554.365		-
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	1.327.404.300		2.633.053.430
Công ty Truyền tải điện 3	908.801.034		-
Công ty Truyền tải điện 2	872.143.148		-
Công ty Truyền tải điện 4	565.767.168		-
Công ty Điện lực Bình Dương	2.989.763		2.989.763
	8.839.231.937		2.859.638.852

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<i>Trích trước chi phí ngắn hạn về mua dịch vụ</i>			
Công ty con:			
PESE	14.585.758.046	-	-
PPOM	683.340.333	-	-
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:			
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.901.032.000	1.901.032.000	1.901.032.000
Công ty Điện lực Thủ Đức	91.386.451	89.695.030	89.695.030
Công ty Điện lực Sài Gòn	23.610.511	16.120.061	16.120.061
Công ty Điện lực Đồng Nai – CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH	990.808	-	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – CN EVN	-	200.241.810	200.241.810
Công ty Truyền tải Điện 2	-	146.417.402	146.417.402
Công ty Điện lực Bình Thuận	-	22.427.046	22.427.046
Công ty Điện lực Cà Mau	-	19.280.614	19.280.614
Công ty Điện lực Phú Yên	-	2.450.980	2.450.980
	17.286.118.149	2.397.664.943	
<i>Phải trả ngắn hạn khác về thu hộ</i>			
Công ty liên kết:			
CMC	109.969.716	40.359.998.211	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh mục và tiền lương, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 như sau:

		VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.008.000.000	507.960.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	943.200.000	489.144.000
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	823.200.000	432.708.000
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	660.000.000	432.708.000
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	660.000.000	432.708.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên HĐQT	163.200.000	82.800.000
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên HĐQT	163.200.000	82.800.000
Thu nhập của Kế toán trưởng			
Bà Bùi Thị Ngọc Lý	Kế toán trưởng	540.000.000	395.076.000
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban Kiểm soát	168.000.000	86.400.000
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát	163.200.000	82.800.000
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	163.200.000	82.800.000
TỔNG CỘNG		5.455.200.000	3.107.904.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát, máy móc thiết bị và dịch vụ xây lắp, vận hành nhà máy điện, bán điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê đất, thuê văn phòng và các dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	5.328.997.503	5.193.765.577
Từ 1 đến 5 năm	21.195.730.013	20.466.712.310
Trên 5 năm	148.357.624.736	148.049.109.367
TỔNG CỘNG	174.882.352.252	173.709.587.254

Cam kết cho thuê hoạt động - Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	7.193.228.308	8.505.034.168
Từ 1 đến 5 năm	3.791.952.000	6.195.388.540
TỔNG CỘNG	10.985.180.308	14.700.422.708

35. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	11.080.037,56	1.935.187,44
Ngoại tệ - Rúp Nga (RUB)	7.520	7.520
Ngoại tệ - Yên Nhật (JPY)	352.000	352.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty



Hoàng Thụy Hoài Yến
Người lập



Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

